

QUÁ TRÌNH VẬN ĐỘNG KHỞI NGHĨA GIÀNH CHÍNH QUYỀN TRONG CÁCH MẠNG THÁNG TÁM VÀ THÀNH LẬP NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA NĂM 1945

TRẦN ĐỨC CƯỜNG*

Ngày 1 tháng 9 năm 1939, Chiến tranh thế giới thứ Hai bùng nổ mở đầu bằng cuộc tấn công Ba Lan của phát xít Đức. Ngay sau đó, ngày 3 tháng 9 năm 1939, Anh, Pháp cùng với Australia, New Zealand, Ấn Độ tuyên chiến với Đức.

Ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương, phát xít Nhật, đồng minh của Đức và Italia nhanh chóng thực hiện chiến lược tiến xuống phía Nam với mưu đồ tước đoạt các thuộc địa của Anh, Pháp và Hà Lan gồm Đông Dương, Malaysia, Indonesia, Philippines...

Chiến tranh thế giới thứ Hai khi mới nổ ra là sự giành giật, chiếm đoạt thị trường và thuộc địa, phân chia lại thế giới của các tập đoàn đế quốc bằng vũ lực, do đó đã ảnh hưởng sâu sắc, toàn diện đến phần lớn các quốc gia, dân tộc trên thế giới, trong đó có các dân tộc ở Đông Dương. Sự đầu hàng của nước Pháp trước cuộc tiến công của phát xít Đức và sự nhượng bộ của chính quyền Pháp ở Đông Dương trước quân đội Nhật khiến nhân dân các dân tộc Đông Dương đứng trước nguy cơ bị bần cùng hóa nặng nề hơn về kinh tế - xã hội và bị áp bức về chính trị đến cao độ.

Trước những chuyển biến về tình hình thế giới, trước hết là chính sách kinh tế chỉ huy theo xu thế quân phiệt của đế quốc

Pháp ở chính quốc và ở Đông Dương, trước khi Chiến tranh thế giới thứ Hai nổ ra, Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương đã kịp thời chỉ đạo các cấp bộ Đảng, cán bộ, đảng viên đang hoạt động hợp pháp và nửa hợp pháp phải nhanh chóng rút vào hoạt động bí mật, chuyển dần trọng tâm công tác về vùng nông thôn, miền núi. Bản thông cáo ngày 29 tháng 9 năm 1939 của Trung ương Đảng gửi các cấp bộ Đảng nêu rõ: “Hiện nay tình hình đã thay đổi nhiều. Hoàn cảnh Đông Dương sẽ tiến bước đến vấn đề dân tộc giải phóng, hoàn toàn vấn đề ấy mau hay chậm là tùy theo tình hình thế giới và năng lực của các đồng chí” (1).

Trước những chuyển biến mau lẹ của tình hình trong nước và thế giới, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã họp Hội nghị lần thứ 6 từ ngày 6 đến ngày 8 tháng 11 năm 1939 tại Bà Điểm (Hóc Môn - Gia Định, nay thuộc Thành phố Hồ Chí Minh), để quyết định chủ trương mới đáp ứng những yêu cầu của cách mạng. Chủ trì Hội nghị là Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ với sự tham dự của Lê Duẩn, Võ Văn Tần, Phan Đăng Lưu... Hội nghị cho rằng: Chiến tranh thế giới thứ Hai đang đẩy nhân loại vào một lò sát sinh lớn, đẩy cuộc khủng hoảng thế giới thêm nghiêm trọng, khiến trật tự thế giới cũ bị lay chuyển đến tận gốc. Đây là thời cơ mà

*PGS.TS. Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam

dân chúng bị áp bức sẽ nổi dậy đánh đổ giai cấp thống trị ở các nước tham chiến. Ở các nước thuộc địa, hết thảy dân tộc bị áp bức sẽ vùng dậy đấu tranh với đế quốc xâm lược để cởi ách nô lệ...

Từ những nhận định ấy, Hội nghị khẳng định: “Bước đường sinh tồn của các dân tộc Đông Dương, không còn có con đường nào khác hơn là con đường đánh đổ đế quốc Pháp, chống tất cả ách ngoại xâm, vô luận da trắng hay da vàng để giành lấy giải phóng độc lập... Sự bóc lột tàn ác của đế quốc Pháp ở Đông Dương để cung cấp cho chiến tranh sẽ làm cho dân Đông Dương ngày càng cách mệnh hóa. Cuộc cách mệnh đánh đổ đế quốc Pháp của các dân tộc Đông Dương nhất định sẽ bùng nổ” (2).

Hội nghị cho rằng lúc này phải đứng trên lập trường giải phóng dân tộc, đặt quyền lợi dân tộc lên hàng đầu, cho nên tất cả các vấn đề của cuộc cách mạng lúc này kể cả vấn đề ruộng đất cũng phải nhằm vào mục đích ấy mà giải quyết. Hội nghị còn chủ trương lập Mặt trận dân tộc phản đế Đông Dương để tranh đấu chống đế quốc chiến tranh, đánh đổ đế quốc Pháp và bọn phong kiến thối nát, giải phóng các dân tộc Đông Dương làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập (3).

Từ các luận điểm nêu trên, có thể nói cuộc cách mạng do Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo thực hiện ở Việt Nam lúc này là một cuộc “Cách mạng giải phóng dân tộc do Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương thực hiện là một kiểu của cách mạng tư sản dân quyền. Kết quả của cuộc cách mạng ấy là việc thiết lập được chính quyền dân chủ cộng hòa chứ không phải chính quyền Xô viết công-nông- binh như đã đề ra trước đây. Đây là một hình thức chính phủ chung cho tất cả các tầng lớp nhân dân trong xứ và trong phong trào giải phóng dân tộc” (4).

Quan điểm của Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương thể hiện tại Hội nghị tháng 11 năm 1939 đánh dấu bước thay đổi chiến lược cách mạng của Đảng, tập trung thực hiện nhiệm vụ giải phóng dân tộc, chống đế quốc và phong kiến tay sai, giành độc lập cho đất nước và hạnh phúc cho nhân dân, không phải đơn giản là sự thay đổi phương thức chỉ đạo chiến lược cách mạng.

Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng tháng 11 năm 1939 đã mở ra một thời kỳ mới cho cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng: Thời kỳ trực tiếp chuẩn bị lực lượng về mọi mặt để giành chính quyền.

Nghị quyết về nhiệm vụ chiến lược giải phóng dân tộc nhanh chóng được phổ biến đến các đảng bộ từ Bắc chí Nam, trở thành quyết tâm hành động cho toàn Đảng trong tình hình mới, khi Chiến tranh thế giới thứ Hai ngày càng lan rộng trong khu vực với việc quân đội Nhật Bản vượt biên giới Việt-Trung ngày 22 tháng 9 năm 1940 và thực dân Pháp nhanh chóng đầu hàng và quay lại phối hợp với phát xít Nhật tăng cường đàn áp, khủng bố các lực lượng cách mạng Việt Nam. Trong tình hình ấy cuộc khởi nghĩa do Đảng bộ Bắc Sơn (Lạng Sơn) lãnh đạo đã nổ ra vào ngày 27 tháng 9 năm 1940, đánh chiếm châu huyện và tuyên bố xóa bỏ chính quyền tay sai đế quốc, ra lệnh đốt sổ sách, giấy tờ của địch.

Cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn thể hiện ý chí độc lập tự do của Đảng bộ và nhân dân Bắc Sơn, nhưng do tương quan lực lượng quá chênh lệch nên bị thực dân Pháp đàn áp dã man. Dù vậy, cuộc khởi nghĩa đã tạo nên lực lượng vũ trang đầu tiên do Đảng tổ chức và lãnh đạo, làm nòng cốt cho việc xây dựng căn cứ địa Bắc Sơn - Võ Nhai sau này. Cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn thực sự là cơ sở thực tiễn để Đảng Cộng sản Đông Dương đẩy mạnh quá trình chuẩn bị tổng khởi

nghĩa giành chính quyền trong cách mạng tháng Tám năm 1945.

Trước sự phát triển của tình hình cách mạng trong cả nước, từ ngày 6 đến ngày 9 tháng 11 năm 1940, Trung ương Đảng lâm thời tổ chức Hội nghị Trung ương lần thứ 7 tại làng Đình Bảng, Từ Sơn, Bắc Ninh với sự tham dự của các đồng chí: Trường Chinh, Hoàng Văn Thụ, Hoàng Quốc Việt, Phan Đăng Lưu, Trần Đăng Ninh. Xem xét tình hình trong nước, Hội nghị cho rằng việc thực dân Pháp cấu kết với phát xít Nhật áp bức, bóc lột nhân dân làm cho mâu thuẫn giữa toàn thể các dân tộc Đông Dương với phát xít Nhật- Pháp càng trở nên sâu sắc, đẩy họ đến tình thế không còn đường nào khác là vùng dậy để tự cứu lấy mình. “Một cao trào cách mạng nhất định sẽ nổi dậy. Đảng phải chuẩn bị để giành lấy cái số mệnh thiêng liêng, lãnh đạo các dân tộc bị áp bức Đông Dương võ trang bạo động giành lấy quyền tự do độc lập” (5).

Để giành được quyền tự do và độc lập, Đảng chủ trương tập trung tất cả các lực lượng chống đế quốc và phong kiến tay sai ở mỗi nước thuộc Đông Dương thành một Mặt trận dân tộc thống nhất để đánh đổ kẻ thù chính là thực dân Pháp, phát xít Nhật và tay sai.

Trước tình hình phần lớn các cán bộ chủ chốt của Đảng như Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ, Lê Duẩn, Lê Hồng Phong, Hà Huy Tập, Võ Văn Tần đã bị thực dân Pháp bắt giam hoặc sát hại, Hội nghị đã quyết định tổ chức Ban Chấp hành Trung ương lâm thời gồm các đồng chí: Trường Chinh, Hoàng Văn Thụ, Phan Đăng Lưu, Hoàng Quốc Việt. Trường Chinh giữ chức quyền Tổng Bí thư.

Tiếp nối kết quả của Hội nghị Trung ương tháng 11 năm 1939, Hội nghị Trung ương tháng 11 năm 1940 khẳng định nhiệm vụ chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang,

thúc đẩy việc thành lập Mặt trận toàn dân tộc thống nhất phản đế, xác định rõ kẻ thù của nhân dân Việt Nam gồm cả thực dân Pháp và phát xít Nhật.

Vào thời gian này, một sự kiện quan trọng trong lịch sử cách mạng Việt Nam, lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam đã diễn ra và có tác động quan trọng đến sự nghiệp giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam là: Ngày 28 tháng 1 năm 1941, sau 30 năm xa đất nước, thấy rõ thời cơ tiến hành cách mạng giải phóng dân tộc đang đến gần, lãnh tụ Hồ Chí Minh - lúc ấy còn mang tên Nguyễn Ái Quốc về nước qua cột mốc 108 trên biên giới Việt Nam-Trung Quốc thuộc xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng. Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đặt cơ quan tại làng Pác Bó, xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng, trực tiếp chỉ đạo công tác thí điểm thành lập mặt trận (6). Sau khi về nước không lâu, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc còn tiến hành việc chuẩn bị mở Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 8 bàn về chủ trương cứu nước, giải phóng dân tộc. Hội nghị đã diễn ra từ ngày 10 đến ngày 19 tháng 5 năm 1941 tại Khuổi Nặm, làng Pác Bó, Trường Hà, Hà Quảng, Cao Bằng. Dự Hội nghị có lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và các đồng chí: Trường Chinh, Hoàng Quốc Việt, Hoàng Văn Thụ, Vũ Anh, Bùi San, Hồ Xuân Lưu, Phùng Chí Kiên... lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc chủ trì Hội Nghị.

Hội nghị đã phân tích về tính chất của cuộc Chiến tranh thế giới thứ Hai, dự báo Đức sẽ tấn công Liên Xô và cuộc chiến tranh Thái Bình Dương sẽ bùng nổ. Trước triển vọng phát triển của các lực lượng cách mạng thế giới, Hội nghị nhận định: “Nếu cuộc đế quốc chiến tranh lần trước đã đẻ ra Liên Xô, một nước xã hội chủ nghĩa thì cuộc đế quốc chiến tranh lần này sẽ đẻ ra nhiều nước xã hội chủ nghĩa, sẽ do đó mà cách mạng nhiều nước thành công” (7).

Trong xu hướng ấy, Hội nghị khẳng định khả năng thành công của cách mạng giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam, về nhiệm vụ của Đảng Cộng sản phải tập hợp được các lực lượng yêu nước, dân chủ ở Việt Nam để giành thắng lợi cho sự nghiệp độc lập của dân tộc. Hội nghị nhấn mạnh: “Trong lúc này quyền lợi của bộ phận, của giai cấp phải đặt dưới sự sinh tử, tồn vong của quốc gia, dân tộc. Trong lúc này nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được” (8).

Về mặt lý luận cách mạng, ngay tại Hội nghị Trung ương lần thứ 8, Đảng Cộng sản Đông Dương đã xác định tính chất của cuộc tổng khởi nghĩa đang chuẩn bị trong bối cảnh Chiến tranh thế giới thứ Hai là một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc. Hội nghị kêu gọi: “Cần phải thay đổi chiến lược”... Nguyên vọng của nhân dân Đông Dương hiện nay là gì? Là đánh Pháp đuổi Nhật, giành quyền độc lập cho xứ Đông Dương (9)... Từ đó, Hội nghị đã đưa ra một kết luận mang tính lý luận phù hợp với thực tiễn cách mạng của nhân dân Việt Nam và nhân dân các nước khác ở Đông Dương: “Vậy thì cuộc cách mạng Đông Dương hiện nay không phải là cuộc cách mạng tư sản dân quyền, cuộc cách mạng phải giải quyết hai vấn đề phản đế và điền địa nữa, mà là cuộc cách mạng chỉ phải giải quyết một vấn đề cần kíp “dân tộc giải phóng”, vậy thì cuộc cách mạng Đông Dương trong giai đoạn hiện tại là một cuộc cách mạng dân tộc giải phóng” (10).

Tìm hiểu kỹ văn kiện các Hội nghị Trung ương lần thứ 6 (1939) và Hội nghị Trung ương lần thứ 8 (1941) có thể thấy rõ: Đây là một bước tiến vượt bậc về lý luận và

phương pháp cách mạng của Đảng Cộng sản Đông Dương trên cơ sở phân tích thấu đáo và biện chứng về tính chất cuộc cách mạng mà Đảng đang trong quá trình lãnh đạo nhân dân thực hiện. Sự “thay đổi chiến lược” cách mạng lúc này thuận chiều với sự phát triển của lịch sử dân tộc, đáp ứng được khát vọng của tuyệt đại đa số nhân dân. Trong Hội nghị Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương, quyền tự quyết của mỗi dân tộc trong toàn Đông Dương cũng được khẳng định. Hội nghị cho rằng sau khi đánh Pháp-Nhật thì các dân tộc Việt Nam, Lào, Campuchia sẽ tự quyết định tổ chức thành một liên bang hay một quốc gia dân tộc. Hội nghị nhấn mạnh: “Sự tự do độc lập của các dân tộc sẽ được thừa nhận và coi trọng” (11).

Trên cơ sở chủ nghĩa Mác-Lênin về khởi nghĩa vũ trang và chiến tranh cách mạng và phân tích tình hình quốc tế và trong nước, Hội nghị cho rằng: “Cuộc cách mạng ở Đông Dương phải kết liễu bằng một cuộc khởi nghĩa vũ trang” (12). Căn cứ vào tình hình trong nước, lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng, Đảng đưa ra các khái niệm về “khởi nghĩa từng phần” và “tổng khởi nghĩa” trong Nghị quyết: “Với lực lượng sẵn có ta có thể lãnh đạo một cuộc khởi nghĩa từng phần trong từng địa phương, cũng có thể giành thắng lợi mà mở đường cho một cuộc tổng khởi nghĩa to lớn” (13).

Vào ngày 19 tháng 5 năm 1941, ngày kết thúc Hội nghị Trung ương lần thứ 8, thực hiện đường lối đại đoàn kết toàn dân trong cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, Mặt trận Việt Nam Độc lập đồng minh (gọi tắt là Việt Minh) chính thức ra đời. Đến ngày 25 tháng 10 năm 1941, Mặt trận Việt Minh công bố *Tuyên ngôn*, *Chương trình*, *Điều lệ* của Mặt trận. Nêu cao ngọn cờ đại đoàn kết dân tộc Tuyên ngôn của Mặt trận Việt Minh khẳng định: Việt Minh chủ trương liên hiệp hết các giới đồng bào yêu

nước, không phân biệt giàu nghèo, già trẻ, trai gái, không phân biệt tôn giáo và xu hướng chính trị, đặng cùng nhau mưu cuộc dân tộc giải phóng và sinh tồn... Chương trình cứu nước của Mặt trận Việt Minh gồm 44 điểm, là một hệ thống các chính sách về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, ngoại giao, những chính sách cụ thể đối với các tầng lớp công nhân, nông dân, binh lính, trí thức, công chức, học sinh, phụ nữ, thiếu nhi, tư sản, địa chủ, nhà buôn, người già, kẻ tàn tật. Tinh thần cơ bản của chương trình Việt Minh là cốt thực hiện hai điều mà toàn thể nhân dân Việt Nam mong ước là: 1. *Làm cho nước Việt Nam được hoàn toàn độc lập*, và 2. *Làm cho dân Việt Nam được sung sướng, tự do*. Sau này, khi đánh giá về Mặt trận Việt Minh và chương trình cứu nước của Mặt trận, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết: “Cái tên Việt Nam độc lập đồng minh rất rõ rệt, thiết thực và hợp với nguyện vọng toàn dân. Thêm vào đó, chương trình giản đơn, thiết thực mà đầy đủ của Mặt trận có 10 điểm như bài ca tuyên truyền đã kể:

Có mười chính sách bày ra

Một là ích quốc, hai là lợi dân” (14).

Tiến trình cuộc vận động Cách mạng tháng Tám năm 1945 thắng lợi cho thấy chương trình cứu nước của Mặt trận Việt Minh là cơ sở quan trọng để đoàn kết, tập hợp mọi lực lượng dân tộc.

Do “*chương trình Việt Minh*” phù hợp với nguyện vọng độc lập, tự do của toàn dân nên có sức thu hút mạnh mẽ toàn thể các thành phần nhân dân hưởng ứng, lại được các cấp bộ Đảng truyền đạt đến các tổ chức cơ sở Đảng và quần chúng khắp cả nước. Cùng với các tỉnh miền núi phía Bắc, Mặt trận Việt Minh phát triển rộng rãi ở các tỉnh đồng bằng phía Bắc như: Hà Nội, Hà Đông, Bắc Ninh, Bắc Giang, Hưng Yên, Phú Thọ, Phúc Yên, Sơn Tây, Hà Nam,

Hòa Bình và các tỉnh miền Trung: Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Bình... Đến cuối năm 1941, chủ trương thành lập Mặt trận Việt Minh đã đến được với các cơ sở Đảng ở Nam Kỳ, trước hết là Thành phố Sài Gòn và các vùng phụ cận như Hóc Môn, Bà Điểm, Đức Hòa, Lái Thiêu... Một thực tế là, Nghị quyết của Hội nghị Trung ương họp tháng 5 năm 1941 đến được các tổ chức Đảng ở Nam Kỳ chậm hơn các tổ chức Đảng ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ nên khi đưa nội dung của Nghị quyết ấy cũng như chương trình của Mặt trận Việt Minh, các tổ chức Đảng ở đây đã “đặt ra là trong một thời gian rất ngắn, năm ba tháng Việt Minh ở Sài Gòn và miền Nam phải mau chóng lớn mạnh hơn tất cả các tổ chức đối phương cộng lại” (15). Trên tinh thần ấy nên, “chính Xứ ủy, các tỉnh ủy dù là Tiền phong hay Giải phóng cũng ra sức thực hiện các mục tiêu trên đây, đồng thời với việc mở rộng các Ủy ban Việt Minh, khẩn trương phát triển các đoàn thể cứu quốc theo Chương trình, Điều lệ Việt Minh khắp Nam Bộ từ thị trấn, tỉnh, thành, quận đến thôn làng, đặc biệt sâu rộng ở các địa phương trước đây đã nổ ra khởi nghĩa Nam Kỳ năm 1940” (16).

Vào thời gian cuối năm 1944, việc quân Mỹ tấn công Philippines, quân Đồng minh phong tỏa đường hàng hải nối Nhật Bản với Indonexia đã buộc Nhật phải tính đến việc hất cẳng Pháp để độc chiếm Đông Dương nhằm tránh trường hợp bị quân Pháp đánh ở sau lưng. Với mưu đồ ấy, ngày 9 tháng 3 năm 1945, phát xít Nhật đảo chính lật đổ ách thống trị của Pháp ở Đông Dương. Toàn bộ lực lượng quân Pháp ở Đông Dương nhanh chóng tan rã với 2.624 binh lính và sĩ quan tử trận, 5.000 người bị thương, còn phần lớn bị quân Nhật bắt giam. Đài phát thanh của Nhật Bản công bố: “Quy chế của Đông Dương thuộc Pháp đã kết thúc” (17).

Sau khi đảo chính quân Pháp, phát xít Nhật thực thi một chính sách cực kỳ thâm độc và tàn bạo ở Đông Dương. Một mặt, về chính trị, Nhật vẫn giữ nguyên bộ máy tay sai Nam triều để tiếp tục đàn áp người dân Việt Nam, đồng thời cho thành lập chính phủ Trần Trọng Kim với các luận điệu thực hiện khẩu hiệu Đại Đông Á của đế quốc Nhật Bản nhằm biện minh cho việc mở rộng lãnh thổ và xâm lược các nước châu Á, đặc biệt là Đông Dương. Mặt khác, phát xít Nhật cùng với thực dân Pháp gây ra nạn đói khủng khiếp ở miền Bắc Việt Nam, đồng thời mở nhiều cuộc tấn công vào các chiến khu cách mạng, vào căn cứ của Mặt trận Việt Minh ở các tỉnh vùng núi phía Bắc Việt Nam, vào các tỉnh Phú Thọ, Yên Bái, Ninh Bình, Thanh Hóa. Quân Nhật đi đến đâu cũng tàn phá thôn xóm, bắt giữ cán bộ và những người dân yêu nước hòng khủng bố tinh thần đấu tranh của họ.

Tổ cáo tội ác của phát xít Nhật đối với nhân dân Đông Dương, trên Tạp chí *Cộng sản*, số 3 năm 1945, Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Đông Dương Trường Chinh viết: “Chính sách của giặc Nhật ở Đông Dương (...) có thể tóm tắt trong một câu rằng: dùng phương pháp lừa dối và thủ đoạn tàn ngược để cướp bóc về kinh tế, chia rẽ về chính trị và tấn công về quân sự” (18).

Giáo sư Furuta Motoo, khi nghiên cứu về nạn đói năm 1945 ở Việt Nam đã viết: “Chính sách của Nhật Bản đối với Đông Dương nói lên một cách hiển nhiên tính chất giả nhân giả nghĩa của con bài “Giải phóng Đại Đông Á” của phát xít Nhật Bản” (19).

Tình hình Đông Dương sau cuộc đảo chính của phát xít Nhật thêm rối ren. Bộ máy tay sai bất lực hơn, một bộ phận tầng lớp trên hoang mang, dao động. Các giai cấp cần lao, chủ yếu là công nhân và nông dân càng bị bần cùng hóa. Lúc này, “cả

Đông Dương như một cánh đồng cỏ khô, tàn lửa cách mạng rơi vào đâu cũng có thể bốc cháy” (20). Dù vậy, bản Chỉ thị ngày 12-3-1945 “*Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*” sau khi đưa ra nhận định cuộc đảo chính của phát xít Nhật dù đã tạo nên ở Đông Dương *một cuộc khủng hoảng chính trị sâu sắc* nhưng điều kiện khởi nghĩa ở Đông Dương hiện nay chưa thực sự chín muồi” (21).

Bản Chỉ thị cũng nêu rõ nhiệm vụ của các cấp bộ Đảng và mỗi đảng viên là phải cổ động quần chúng mạnh dạn lên mặt trận đấu tranh, tập dượt cho quần chúng mạnh dạn tiến lên tổng khởi nghĩa nhằm “phát động một cao trào *kháng Nhật cứu nước* mạnh mẽ để làm tiền đề cho cuộc tổng khởi nghĩa. Cao trào ấy có thể bao gồm từ hình thức bất hợp tác, bãi công, bãi thị, cho đến những hình thức cao như biểu tình thị uy vũ trang, tăng cường hoạt động du kích, sẵn sàng chuyển qua hình thức tổng khởi nghĩa một khi đủ điều kiện” (22).

Trong quá trình vận động tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền trong Cách mạng tháng Tám năm 1945, vấn đề *thời cơ cách mạng*, vấn đề điều kiện chín muồi cho cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước rất được lãnh đạo Đảng và lãnh tụ Hồ Chí Minh quan tâm. Ngay trong Chỉ thị “*Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*”, Thường vụ Trung ương Đảng đã nêu ba điều kiện cơ bản của thời cơ tiến hành Tổng khởi nghĩa gồm:

1. Chính quyền đế quốc đã lung lay, bối rối đến cao độ và cảm thấy không thể ngồi yên như cũ;

2. Quần chúng nhân dân đói khổ đã căm thù thực dân, đế quốc tay sai đến cực điểm, đã thấy cần phải đồng tâm hiệp lực, nổi dậy, lật đổ ách thống trị của đế quốc thực dân vì không thể “sống như cũ được nữa”;

3. Chính Đảng cách mạng đã chuẩn bị sẵn sàng về mọi mặt bao gồm một tổ chức vững mạnh, kiên quyết hy sinh vì sự nghiệp giành độc lập cho Tổ quốc có một kế hoạch cụ thể, bảo đảm giành thắng lợi cho cuộc tổng khởi nghĩa và một khối liên kết quần chúng đã được giác ngộ về quyền lợi của dân tộc, sẵn sàng chiến đấu vì độc lập tự do của Tổ quốc.

Xét về từng điều kiện, kể từ khi Đảng phát động cao trào *“kháng Nhật, cứu nước”*, sự chuẩn bị lực lượng về mọi mặt đã được các cơ sở Đảng ở hầu hết các địa phương trong cả nước chuẩn bị với tinh thần cương quyết, nhanh chóng, sáng tạo, chủ động: Các cơ sở Đảng từ Trung ương đến địa phương được củng cố ở cả Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ; công tác tuyên truyền, giác ngộ quần chúng được thực hiện khẩn trương, có hiệu quả đặc biệt qua phong trào *“Phá kho thóc của Nhật để chia cho dân nghèo”*... Các lực lượng vũ trang được tổ chức và đã tiến hành nhiều hoạt động quân sự tấn công vào các cơ sở của địch với sự trưởng thành của Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân, của các đội Cứu quốc quân I và Cứu quốc quân II ở Bắc Kỳ, còn ở Trung Kỳ là sự ra đời của Đội du kích Ba Tơ... Các khu du kích, khu an toàn một số *“Ủy ban dân tộc giải phóng”*, *“Ủy ban Nhân dân cách mạng”*, được thiết lập ở nhiều nơi... Trong khi đó quân chiếm đóng Nhật Bản hết sức hoang mang, thất bại về nhiều mặt trên lĩnh vực chính trị, văn hóa, xã hội...

Trong thực tế, các cuộc khởi nghĩa từng phần đã được tổ chức ở nhiều địa phương thuộc các tỉnh vùng núi phía Bắc, sau đó lan ra một số tỉnh, huyện ở Trung Kỳ như Quảng Nam, Quảng Ngãi, Phú Yên... Trong tình hình ấy từ ngày 15 đến ngày 20 tháng 4 năm 1945, tại Hiệp Hòa (Bắc Giang) Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương tổ chức Hội nghị quân sự Cách mạng Bắc Kỳ nhằm

đẩy mạnh cao trào hoạt động quân sự ra cả nước. Tham dự Hội nghị có đại diện các chiến khu ở Việt Bắc, xứ ủy Bắc Kỳ, Tổng bí thư Trường Chinh chủ trì Hội nghị. Hội nghị quyết định phát triển lực lượng vũ trang, nửa vũ trang và thống nhất các lực lượng quân sự sẵn có thành Việt Nam giải phóng quân, xây dựng 7 chiến khu chống Nhật trong cả nước gồm các chiến khu Lê Lợi, chiến khu Quang Trung, chiến khu Hoàng Hoa Thám, chiến khu Trần Hưng Đạo ở Bắc Kỳ, chiến khu Trưng Trắc, chiến khu Phan Đình Phùng ở Trung Kỳ, chiến khu Nguyễn Tri Phương ở Nam Kỳ.

Hội nghị cử ra Ủy ban Quân sự Cách mạng gồm các đồng chí: Võ Nguyên Giáp, Văn Tiến Dũng, Lê Thanh Nghị, Trần Đăng Ninh, Chu Văn Tấn. Ủy ban có nhiệm vụ: “chỉ huy các chiến khu miền Bắc Đông Dương về mặt chính trị và quân sự, đồng thời có nhiệm vụ giúp đỡ cho toàn quốc về mặt quân sự” (23).

Giữa lúc các tổ chức Đảng, tổ chức Mặt trận Việt Minh và quần chúng đang trong quá trình phát triển cao trào kháng Nhật cứu nước, giành độc lập cho dân tộc thì phát xít Nhật tuyên bố đầu hàng vô điều kiện quân Đồng minh ngày 14 tháng 8 năm 1945, sau khi đạo quân Quan Đông của Nhật bị quân đội Liên Xô đánh bại ở Mãn Châu (Đông Bắc, Trung Quốc) và Mỹ ném hai quả bom nguyên tử xuống hai thành phố trên đất Nhật là Hiroshima và Nagasaki.

Tin Nhật đầu hàng đã nhanh chóng lan truyền trong toàn quốc, khiến hàng triệu người Việt Nam càng thêm hăng hái tích cực tham gia các cuộc mít tinh, biểu tình thị uy vũ trang do Việt Minh tổ chức với các khẩu hiệu *“Việt Nam độc lập”*, *“ủng hộ Việt Minh”*...

Nếu như ngày 14 tháng 8 năm 1945, Nhật hoàng mới tuyên bố trước 14 vị đại thần chấp nhận yêu cầu của Đồng minh và

qua đại biểu lâm thời Thụy Sĩ thông báo tới các nước Liên Xô, Mỹ, Anh, Pháp rằng 12 giờ ngày 15 tháng 8 năm 1945, Đài phát thanh Tokyo sẽ phát đi lời tuyên bố của Nhật hoàng Hirohito “chấp nhận bản Tuyên bố chung của các cường quốc”, thì trên tinh thần tích cực, chủ động, luôn theo dõi chặt chẽ sự biến đổi tình hình quốc tế và trong nước để có những bước đi thích hợp, vào tối ngày 12 tháng 8 năm 1945, ngay sau khi nghe tin Nhật Bản đã gửi công hàm cho Mỹ chấp nhận tuyên bố của Hội nghị Potsdam, lãnh tụ Hồ Chí Minh và Thường vụ Trung ương Đảng đã lập tức tổ chức Hội nghị toàn quốc của Đảng để bàn việc triển khai Tổng khởi nghĩa trong toàn quốc.

Tình hình cách mạng vào thời gian này hết sức khẩn trương. Ngay trong đêm ngày 12 tháng 8 năm 1945, Ủy ban chỉ huy lâm thời khu giải phóng ở các tỉnh phía Bắc đã hạ lệnh cho toàn thể các lực lượng vũ trang và nhân dân trong vùng đứng lên khởi nghĩa. Sang ngày 13 tháng 8 năm 1945, Trung ương Đảng và Tổng bộ Việt Minh ra quyết định thành lập Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc gồm 5 ủy viên: Trường Chinh, Võ Nguyên Giáp, Lê Thanh Nghị, Trần Đăng Ninh, Chu Văn Tấn, Tổng bí thư Trường Chinh phụ trách Ủy ban. 23 giờ đêm hôm ấy, Ủy ban khởi nghĩa ra *Quân lệnh số 1* hạ lệnh tổng khởi nghĩa. Bản Quân lệnh viết:

“Hỡi dân quân toàn quốc (...)

Giờ Tổng khởi nghĩa đã đánh!

Cơ hội có một cho quân dân Việt Nam vùng dậy giành lấy quyền độc lập của nước nhà” (24).

Bản Quân lệnh viết tiếp: *“Phải hành động cho nhanh, với một tinh thần vô cùng quả cảm, vô cùng thận trọng (...) Cuộc thắng lợi nhất định sẽ về ta” (25).*

Trong hai ngày 14 và 15 tháng 8 năm 1945, Hội nghị toàn quốc của Đảng họp tại Tân Trào (Sơn Dương, Tuyên Quang) thống

nhất với quyết định của Ban Thường vụ Trung ương Đảng phải kịp thời phát động và lãnh đạo toàn dân tổng khởi nghĩa giành quyền độc lập hoàn toàn. Hội nghị thông qua 10 chính sách lớn của Mặt trận Việt Minh, coi đó là những chính sách cơ bản, trước mắt trong toàn bộ hoạt động của toàn Đảng, toàn dân ta...

Sau khi Hội nghị toàn quốc của Đảng kết thúc, Đại hội Quốc dân đã diễn ra tại Tân Trào, Tuyên Quang vào ngày 16 tháng 8 năm 1945, gồm 60 đại biểu từ Bắc, Trung, Nam và kiều bào ở nước ngoài cùng đại biểu các đảng phái, đoàn thể, tôn giáo về dự. Đại hội tán thành và nhiệt liệt hoan nghênh chủ trương Tổng khởi nghĩa của Đảng và thông qua 10 chính sách của Mặt trận Việt Minh.

Đại hội quyết định thành lập Ủy ban Dân tộc Giải phóng Việt Nam do lãnh tụ Hồ Chí Minh làm Chủ tịch, Trần Huy Liệu làm Phó Chủ tịch và một số ủy viên là Nguyễn Lương Bằng, Trường Chinh, Võ Nguyên Giáp, Phạm Văn Đồng, Dương Đức Hiền... Ủy ban được trao sứ mệnh thay mặt quốc dân giao thiệp với các nước ngoài và chủ trì mọi việc trong nước.

Sau Hội nghị toàn Đảng và Quốc dân Đại hội, Đảng Cộng sản Đông Dương ra lời hiệu triệu toàn thể nhân dân, các đoàn thể cách mạng và các đảng viên nổi dậy chống phát xít Nhật và tay sai, giành độc lập cho đất nước. Đáp lại lời kêu gọi của Đảng Cộng sản Đông Dương, của Mặt trận Việt Minh và Ủy ban Dân tộc Giải phóng Việt Nam, hàng chục triệu quần chúng đã nổi dậy đồng loạt ở khắp vùng nông thôn và đô thị trong cả nước, trong đó quan trọng là các cuộc nổi dậy ở Hà Nội ngày 19 tháng 8, ở Huế ngày 23 tháng 8 và ở Sài Gòn ngày 25 tháng 8 đóng vai trò quyết định thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 đánh vào các cơ quan đầu não của quân Nhật và chính quyền tay sai vì

có tác động đến phong trào cách mạng ở các địa phương trong vùng. Ngày 25-8-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh về đến Hà Nội. Theo đề nghị của Người, Ủy ban Dân tộc Giải phóng Việt Nam cải tổ thành Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (26). Cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, chính quyền cách mạng được thành lập trong toàn quốc từ trung ương đến cơ sở. Ngày 2 tháng 9 năm 1945, tại Hà Nội, lúc này được chọn là Thủ đô nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời đọc bản *Tuyên ngôn độc lập* công bố trước quốc dân và thế giới: Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, thoát khỏi ách thống trị gần 100 năm của đế quốc và hàng ngàn năm của giai cấp phong kiến đã lỗi thời để trở thành một nước độc lập với chế độ dân chủ cộng hòa...

CHÚ THÍCH

(1). Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập, tập 6 (1936-1939)*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.756.

(2), (3). Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập, tập 6 (1936-1939)*, sdd, tr.536, 537.

(4), (6). Viện Lịch sử Đảng, *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, tập I (1930-1954), Quyển 1 (1930-1945)*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2018, tr.496, 514.

(5), (7), (8), (9), (10), (11), (12), (13), (24), (25), (27). Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập, tập 7 (1940-1945)*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.58, 100, 113, 118-119, 118-119, 113, 129, 131-132, 421-422, 421-422, 25.

(14). *Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng*. In trong: *Hồ Chí Minh, toàn tập, tập 6 (1950-1952)*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.158.

(15), (16). Hội đồng chỉ đạo biên soạn lịch sử Nam Bộ kháng chiến, *Lịch sử Nam Bộ kháng chiến, tập I (1945-1954)*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2010, tr.130, 135.

Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời đưa nhân dân Việt Nam từ người nô lệ trở thành người dân một nước độc lập và tự do, tự mình quyết định vận mệnh lịch sử của mình và mở ra một kỷ nguyên mới trong lịch sử dân tộc: Kỷ nguyên độc lập, tự do.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết về ý nghĩa lịch sử thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 và sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa như sau: “Chẳng những giai cấp lao động và nhân dân Việt Nam ta có thể tự hào, mà giai cấp lao động và những dân tộc bị áp bức nơi khác cũng có thể tự hào rằng: lần này là lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng của các dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa, một Đảng mới 15 tuổi đã lãnh đạo cách mạng thành công, đã nắm chính quyền trong toàn quốc” (27).

(17). Huỳnh Kim Khánh, *Vietnamese Communism, 1925-1945*, Ithaca New York, bản dịch tiếng Việt, lưu tại Viện Lịch sử Đảng.

(18). Trong: *Ngọn cờ giải phóng*, Nxb. Sự Thật, Hà Nội, 1974, tr.186.

(19). Viện Sử học, GS.Văn Tạo - GS. Furuta Mooto (đồng chủ biên), *Nạn đói năm 1945 ở Việt Nam, những chứng tích lịch sử*, (Tái bản lần thứ nhất có bổ sung), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2005, tr.31.

(20). Trường Chinh, *Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt Nam*, Nxb. Sự Thật, Hà Nội, 1975, tr.285.

(21), (22). *Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*, Chỉ thị của Ban Thường vụ Trung ương Đảng.

(23). Học viện chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Lịch sử Đảng, *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, tập I (1930-1954), Quyển 1 (1930-1954)*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2018, tr. 649, 650.

(26). Ban chỉ đạo biên soạn Lịch sử Chính phủ Việt Nam, *Lịch sử Chính phủ Việt Nam, tập 1 (1945-1950)*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.39.